

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2026

Về việc: “*Ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Sơn và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Y Hồng Vân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 15/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số E N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Tấn V, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số C N, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2026, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và anh Huỳnh Tấn V có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND phường T, thành phố K (nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 04/04/2022. Thời gian chung sống không hạnh phúc, không hòa hợp, bất đồng mâu thuẫn, anh V ăn chơi, cờ bạc, nợ nần nhiều nơi, nhiều lần đe dọa, đánh đập tôi, muốn phải chết chung với anh V, dẫn đến tinh thần hoảng loạn nên tôi không thể cùng chung sống với anh V, chị đã sống ly thân từ khoảng năm 2025 cho đến nay. Hiện tại tình cảm của chị đối với anh V đã không còn, không còn muốn chung sống với anh V nữa.

Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Tấn V để cả hai có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị Đ khai không có con chung nên không yêu cầu Tòa xem xét;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Huỳnh Tấn V: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh. Nhưng anh V vắng mặt không có lý do thể hiện không muốn đoàn tụ vợ chồng với chị Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ, xử chị Đ được ly hôn với anh V.

Về con chung: Không có, không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Tấn V, cư trú tại: C N, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Tấn V, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh V vắng mặt không lý do. Do đó, anh V đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Tấn V.

[2] Về nội dung của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và anh Huỳnh Tấn V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ, anh V là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh V thường xuyên chơi bời, đánh đập vợ, không chăm sóc cho gia đình; vợ chồng đã sống ly thân từ 2025 cho tới nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn, không thể kéo dài thêm được nữa. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 05/3/2026 bà Phan Thị T là mẹ ruột của anh V và biên bản xác minh ngày 19/3/2026 với ông Nguyễn P là bố đẻ của chị Đ cũng xác nhận anh, chị sống ly thân đã lâu, có nhiều mâu thuẫn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật cho hai vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh V đến Tòa án để hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng anh V không lên Tòa để hoà giải vợ chồng về đoàn tụ, bỏ mặc việc ly hôn của chị Đ. Từ phân tích trên, xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, anh Huỳnh Tấn V ngày càng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Đ khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 16-01-2026 của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ về việc “*Ly hôn*” đối với anh Huỳnh Tấn V.

1. Về Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Huỳnh Tấn V.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp

theo Biên lai thu số: 0000398 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (05/5/2026) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 7– Quảng Ngãi;
- UBND P.Đăk Bla, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đồng Thị Bình